

BỘ TƯ PHÁP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2018/TT-BTP

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2018

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ Ngày 02/02/2018

Kính chuyển: TTĐT

THÔNG TƯ

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ:
Ngày: 02/02/2018

Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật

do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật

Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, liên tịch ban hành sau đây:

1. Thông tư số 04/1999/TT-BTP ngày 11 tháng 01 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về chế độ sử dụng máy điện thoại trong các tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự địa phương;

2. Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

3. Quyết định số 1145/2005/QĐ-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng tuyển chọn Chấp hành viên cơ quan thi hành án dân sự;

4. Thông tư số 06/2005/TT-BTP ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn tuyển chọn bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh chấp hành viên;

5. Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BTP-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý, cấp phát thẻ chấp hành viên, trang phục, phù hiệu của công chức làm công tác thi hành án dân sự;

6. Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BTP-BNV-BTC ngày 23 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 233/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với Chấp hành viên và Công chứng viên;

7. Thông tư liên tịch số 05/2006/TTLT-BTP-BCA ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc trang bị, quản lý và sử dụng công cụ hỗ trợ của cơ quan thi hành án dân sự;

8. Thông tư liên tịch số 01/2007/TTLT-BTP-BNV ngày 29 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức, cán bộ của Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

9. Thông tư liên tịch số 09/2008/TTLT-BTP-BNV-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 86/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với thẩm tra viên thi hành án dân sự;

10. Thông tư liên tịch số 09/2010/TTLT-BTP-BTC-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp;

11. Thông tư liên tịch số 11/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, quản lý và sử dụng viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ngành Tư pháp;

12. Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

13. Thông tư số 19/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về nhập, đăng tải, khai thác dữ liệu thủ tục hành

chính trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và quản lý Cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính;

14. Thông tư số 25/2014/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

Điều 2. Bãi bỏ một phần văn bản quy phạm pháp luật

1. Bãi bỏ một phần Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam như sau:

a) Nội dung “giải quyết việc nhập quốc tịch Việt Nam cho những người không quốc tịch theo Điều 22 Luật quốc tịch Việt Nam; đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam” tại Điều 1;

b) Điều 7;

c) Cụm từ “đăng ký giữ quốc tịch Việt Nam” tại Điều 8, Điều 12.

2. Bãi bỏ một phần Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động và rà soát đánh giá thủ tục hành chính như sau:

a) Nội dung “rà soát, đánh giá thủ tục hành chính” tại Điều 1;

b) Khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2, khoản 3 Điều 3;

b) Nội dung “Cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính, gồm: Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Bộ Tư pháp” tại khoản 2 Điều 4;

c) Chương III (bao gồm tên chương; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14);

d) Điều 15.

3. Bãi bỏ một số biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp như sau:

a) Biểu mẫu 07a/BTP/KSTT/KTTH về số thủ tục hành chính, văn bản quy phạm pháp luật có thủ tục hành chính được công bố, công khai;

b) Biểu mẫu 07b/BTP/KSTT/RSDGH về kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

c) Biểu mẫu 08/BTP/KSTT/PAKN về kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

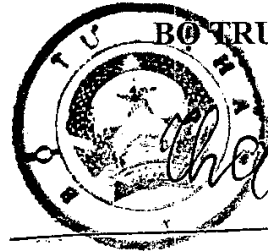
Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

2. Cục trưởng Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tổng kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Cục KTrVB.



Lê Thành Long